

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/DS-ST**
Ngày 23/9/2020
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thanh Liêm
2. Bà Dương Triết Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Ông **Võ Long H**, sinh năm 1971; (Có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1975. (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số , tổ , ấp PT, xã TP, huyện TS, tỉnh An Giang.

*** Bị đơn:**

- Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1961; (Vắng mặt).

- Ông **Phùng Văn TH**, sinh năm 1966. (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ , ấp PA, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Võ Long H trình bày như sau:*

Do là hội viên quen biết nên ngày 14/7/2018, vợ chồng ông có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Phùng Văn TH vay số tiền 200.000.000 đồng để trần hụi, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Sau đó, bà T và ông TH có trả được 150.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng. Sau khi vay, bà T có đóng lãi cho ông được khoảng 1 năm nhưng số tiền lãi này bà T đưa vào tiền hụi hàng tháng ông phải đóng. Vì vậy, ông không nhớ chính xác là được bao nhiêu tiền nhưng số tiền hụi đó hiện nay bà T vẫn chưa trả lại cho vợ chồng ông.

Nay vợ chồng ông yêu cầu bà T và ông TH cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/7/2019 tới ngày xét xử.

Tại tờ tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020 (bút lục 41), ông TH trình bày như sau: Ông và bà Huỳnh Thị T là vợ chồng nhưng trên thực tế ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 tới nay, chưa làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông không biết ông H và bà N là ai và việc vợ ông là bà T có vay tiền của ông H và bà N hay không, ông không biết và ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H, bà N. Ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa và xin vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 03/8/2020. Nội dung đơn thể hiện do hiện nay bà đang đi học tập trung tại Cần Thơ nên bà không thể đến Tòa án tham gia vụ án được, chồng bà là ông H thay mặt bà tham gia giải quyết mọi vấn đề liên quan đến vụ án. Vì vậy, bà N có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được. Bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi đối với bà T và ông TH;

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả cho ông H và bà N số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Không buộc ông Phùng Văn TH có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên; Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút; Bị đơn bà T nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim N (là nguyên đơn trong vụ án), ông Phùng Văn TH (là bị đơn trong vụ án) có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Huỳnh Thị T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông TH và bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo ông H trình bày, vợ chồng bà T và ông TH có vay của vợ chồng ông số tiền là 200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 02/6/2018 âm lịch (14/7/2018 dương lịch) có chữ ký của bà Huỳnh Thị T. Sau khi vay, bà T trả được 150.000.000đ, nay còn nợ lại 50.000.000đ chưa trả. Nên nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông TH cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 50.000.000đ. Việc bà T vay tiền để trăn hui, ông TH là chồng của bà T có biết sự việc.

Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, cho đến nay bà T vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 02/6/2018 âm lịch (14/7/2018 dương lịch) có chữ ký của bà T do ông H cung cấp, cũng như ý kiến trình bày của ông H xác định bà T còn nợ số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Bà T không có ý kiến phản đối đối với giấy nhận nợ cũng như chữ ký, như vậy đã có đủ cơ sở xác định giữa ông H và bà T có xác lập quan hệ vay tài sản đối với số tiền vốn vay 200.000.000đ, nay còn nợ 50.000.000 đồng. Việc hai bên tự thỏa Tận vay tiền và viết biên nhận vay tiền phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên được xác lập đây là hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H cho rằng bà T đã trả được 150.000.000đ thì ngưng cho đến nay, như vậy là bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông H, bà N số tiền còn nợ là 50.000.000đ là có cơ sở.

Ông H cho rằng số tiền vay này ông TH biết và việc chơi hụi là mục đích được sử dụng chung trong gia đình, tuy nhiên ngoài lời trình bày thì ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông TH biết và đồng ý việc bà T vay tiền cũng như bà T sử dụng tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Giấy nhận nợ ngày 02/6/2018 âm lịch (14/7/2018 dương lịch) chỉ có chữ ký xác nhận của bà T và không ghi nhận được sự thừa nhận của phía ông TH. Do đó căn cứ vào Điều 3, Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không buộc ông TH cùng có nghĩa vụ liên đới với bà T trong việc trả nợ cho ông H, bà N.

[2.2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi đối với bà T và ông TH nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N đối với phần yêu cầu tính lãi.

[2.3] Lời phát biểu của Kiểm sát phiên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 20 Điều 3; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Long H và bà Nguyễn Thị Kim N:

Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Võ Long H và bà Nguyễn Thị Kim N số tiền vốn 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và bà N yêu cầu buộc ông Phùng Văn TH cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà Huỳnh Thị T trả tiền vốn vay cho ông H, bà N.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Long H và bà Nguyễn Thị Kim N đối với phần yêu cầu lãi suất.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông Võ Long H và bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0001027 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thoại Sơn.

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Long H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim N, bà Huỳnh Thị T và ông Phùng Văn TH được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu H sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân